

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK MIL - 2023

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ/chức danh	Chức vụ trong hội đồng	Chữ ký
1	Hồ Tấn Đăng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ngô Thạch Anh	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Đặng Quốc Thịnh	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	Nguyễn Minh Luân	Thư ký HĐ	Thư ký	
5	Mai Trung Tuyển	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên	
6	Nguyễn Quốc Việt	Bí thư đoàn	Ủy viên	
7	Niê Đoàn Chính	Tổ trưởng	Ủy viên	
8	Tô Duy Cường	Tổ trưởng	Ủy viên	
9	Thái Thị Hồng Quý	Tổ trưởng	Ủy viên	
10	Phan Văn Ty	Tổ trưởng	Ủy viên	
11	Lê Văn Lam	Kế toán	Ủy viên	
12	Phạm Thị Kim Anh	Văn thư, thủ quỹ	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1	18
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	20
Tiêu chí 1.4	22
Tiêu chí 1.5	24
Tiêu chí 1.6	25
Tiêu chí 1.7	26
Tiêu chí 1.8	27
Tiêu chí 1.9	28
Tiêu chí 1.10	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	31
Tiêu chuẩn 2	31
Mở đầu	32

Tiêu chí 2.1	32
Tiêu chí 2.2	33
Tiêu chí 2.3	35
Tiêu chí 2.4	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	38
Tiêu chuẩn 3	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1	38
Tiêu chí 3.2	40
Tiêu chí 3.3	41
Tiêu chí 3.4	42
Tiêu chí 3.5	43
Tiêu chí 3.6	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	45
Tiêu chuẩn 4	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 4.1	46
Tiêu chí 4.2	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	50
Tiêu chuẩn 5	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 5.1	51
Tiêu chí 5.2	52
Tiêu chí 5.3	54
Tiêu chí 5.4	55

Tiêu chí 5.5	56
Tiêu chí 5.6	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	60
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	60
Tiêu chí 1	61
Tiêu chí 2	61
Tiêu chí 3	61
Tiêu chí 4	61
Tiêu chí 5	62
Tiêu chí 6	62
<i>Kết luận</i>	62
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	62
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	CB, GV, NV, HS	Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh
3	DTNT	Dân tộc nội trú
4	KHKT	Khoa học kỹ thuật
5	NH	Năm học
6	PTDTNT	Phổ thông dân tộc nội trú
7	SGD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	THCS	Trung học cơ sở
9	THPT	Trung học phổ thông
10	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2		X		
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chí 1.8		X		
Tiêu chí 1.9		X		
Tiêu chí 1.10		X		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		

Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X		
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X		
Tiêu chí 5.5		X		
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

7
Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

Tên trước đây (nếu có): Trường PTDTNT Đăk Mil

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Đăk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Hồ Tấn Đăng
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đăk Mil	Điện thoại	0263741326
Xã / phường/thị trấn	Thị Trấn Đăk Mil	Fax	
Đạt CQG		Website	ptdntdakmil.daknong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1992	Số điểm trường	
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 6	1	1	1	1	1
Khối lớp 7	1	1	1	1	1

Khối lớp 8	1	1	1	1	1
Khối lớp 9	1	1	1	1	1
Khối lớp 10	1	1	1	1	1
Khối lớp 11	1	1	1	1	1
Khối lớp 12	1	1	1	1	1
Cộng	7	7	7	7	7

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	51	51	51	51	51	
1	Phòng học	8	8	8	8	8	
a	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	3	3	3	3	3	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	

b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khôi phục vụ học tập	4	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khôi phòng hành chính-quản trị	7	7	7	7	7	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	

IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	28	28	28	28	28	
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	1	1	
Giáo viên	18	7	2	0	17	1	
Nhân viên	11	9	0	0	11	0	
Cộng	32	16	2	0	30	2	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	16	17	17	18	18
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.3	2.4	2.4	2.6	2.6

3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.085	0.085	0.08	0.086	0.086
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	2	0	5	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	2	0	0	2
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số	189	201	207	208	205	
	- Nữ	136	151	172	176	150	
	- Dân tộc	187	200	207	208	205	
	- Khối lớp 6	30	30	30	29	29	
	- Khối lớp 7	30	29	30	30	28	
	- Khối lớp 8	27	29	30	30	29	
	- Khối lớp 9	25	26	29	29	30	
	- Khối lớp 10	28	31	29	30	30	
	- Khối lớp 11	28	28	31	29	30	
	- Khối lớp 12	21	28	28	31	29	
2	Tổng số tuyển mới	58	60	60	60	60	
3	Học 2 buổi/ngày	2	2	2	2	2	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	189	199	207	208	214	
6	Bình	27	28	29.7	29.7	29.7	

	quân số học sinh/lớp						
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	95	96	94	95	95	
	- Nữ	95	96	94	95	95	
	- Dân tộc thiểu số	95	96	94	95	95	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	13	2	17	2	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	187	199	207	208	205	
	- Nữ	136	151	172	176	150	
	- Dân tộc thiểu số	187	199	207	208	205	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	5	4	4	3	3	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	11.1	11.1	11	9	11	

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	46	55.3	49	60	54	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	2.6	2	2	0	3	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	72	71.4	84	88	89	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	27	27.6	16	12	11	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	2.6	1	0	0	0	

TỰ ĐÁNH GIÁ**A. ĐẶT VẤN ĐỀ****1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Đăk Mil (Trường PTDTNT THCS và THPT Đăk Mil) được thành lập theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đăk Lăk và được đổi tên lần cuối cùng theo Quyết định 382/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Đăk Nông. Giai đoạn mới thành lập, trường còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh và phong trào học tập tại địa phương. Tuy nhiên, theo từng giai đoạn, trường đã và đang từng bước phát triển, khẳng định vai trò, vị thế quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số của địa phương nói riêng và tỉnh Đăk Nông. Cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được đầu tư đáp ứng cơ bản nhiệm vụ dạy và học; đội ngũ giáo viên ngày càng đầy đủ, chất lượng đội ngũ được nâng cao, giáo viên dạy giỏi các cấp ngày càng tăng; chất lượng giáo dục không ngừng phát triển, số học sinh hàng năm đậu Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 100%, đậu vào các trường đại học – cao đẳng khá cao và đã có học sinh thi đậu vào các trường đại học danh tiếng; nhận thức của nhân dân địa phương về vấn đề học tập ngày được nâng cao. Trường đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu học tập của con em người đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Đăk Mil.

1.1. Điểm mạnh:

* **Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên** gồm 32 người. Trong đó bao gồm:

Cán bộ quản lý gồm 3 người trong đó có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng. Tất cả cán bộ quản lý đã tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục, bồi dưỡng An ninh – Quốc phòng (đối tượng 3).

Giáo viên: 18 người (Trong đó: Thạc sỹ: 01, Đại học: 16)

Nhân viên: 11 người, bao gồm: kế toán, thủ quỹ - văn thư, thiết bị, thư viện, y tế, cấp dưỡng (04 người), bảo vệ, lao công.

Trình độ đào tạo chuyên môn nghề nghiệp của cán bộ, giáo viên: 100% đạt chuẩn.

Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên.

Đội ngũ giáo viên đa số còn trẻ, năng động, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, tâm huyết với nghề nghiệp.

Sự thành công của các thế hệ học sinh đi trước là tấm gương cho các thế hệ học sinh sau của nhà trường noi theo.

Cha mẹ học sinh ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của việc học đối với con em mình và ngày càng có nhiều đóng góp, chia sẻ với nhà trường; quan hệ giữa nhà trường và gia đình học sinh ngày càng gắn bó.

Sự nghiệp giáo dục của nhà trường đã và đang tạo được niềm tin trong xã hội. Do đó, nhà trường ngày càng nhận được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên và địa phương trong công tác đầu tư phát triển nhà trường.

* **Học sinh:**

NH 2021 - 2022, toàn trường có 07 lớp: Trong đó có 04 lớp trung học cơ sở (THCS) với 116 học sinh và 03 lớp trung học phổ thông (THPT) 89 học sinh. Tổng số học sinh toàn trường là 205 em.

Học sinh dân tộc thiểu số: 205 em; dân tộc tại chỗ 20 em.

Học sinh nữ 150 em; nữ dân tộc 150 em, nữ dân tộc tại chỗ 19 em.

NH 2021-2022:

Tỷ lệ tốt nghiệp đạt 100%; xét công nhận tốt nghiệp THCS đạt 100%.

Tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng năm 2021: Đậu đại học 11/11 em trúng tuyển, đạt tỷ lệ 100% trong số các em đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng.

*** Cơ sở vật chất:**

Tổng diện tích mặt bằng: 0.6560 hecta (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Phòng học chính thức có 07 phòng

Có 01 phòng dạy học môn tin học; có 01 phòng học bộ môn vật lý.

Thư viện, phòng đọc và phòng truyền thống tương đối đầy đủ.

Nhà hiệu bộ đầy đủ phòng cho lãnh đạo, nhân viên viên làm việc. Các phòng và đồ dùng tối thiểu để phục vụ cho giáo viên đầy đủ. Các phòng hội đồng, phòng làm việc của lãnh đạo, nhân viên tương đối đầy đủ.

Có nhà đa năng; nhà để xe cho giáo viên, nhà vệ sinh cho học sinh khu học tập còn tạm.

Khu nội trú học sinh gồm 2 dãy nhà 2 tầng, có 27 phòng ở dành cho HS và 01 phòng trực của GV; có 01 nhà bếp, khu nhà ăn có 02 phòng đáp ứng tổ chức ăn hàng ngày.

Bàn ghế làm việc và học tập đầy đủ; hệ thống internet lắp đặt đáp ứng được nhu cầu công việc.

1.2. Điểm hạn chế:

* Công tác quản lý của Lãnh đạo Nhà trường:

Do trong giai đoạn: Các đồng chí Phó hiệu trưởng thay đổi, đi học thường xuyên nên chưa ổn định trong phân công nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ được cấp trên giao phó.

Kiểm tra, đánh giá chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên còn mang tính hình thức và động viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

b. Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

Đa số các môn học chỉ có 01 giáo viên nên khó có điều kiện học tập trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau; việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới còn gặp nhiều khó khăn.

Một số ít giáo viên, nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sự tín nhiệm của học sinh, cha mẹ học sinh và đồng nghiệp chưa cao; một số giáo viên, nhân viên chậm đổi mới, hiệu quả giáo dục chưa cao và chưa có ý thức nâng cao hiệu quả công việc.

c. Chất lượng học sinh:

Chất lượng tuyển sinh vào đầu cấp rất thấp, nhất là khối Trung học cơ sở.

Số học sinh có học lực yếu vẫn còn; ý thức học tập và rèn luyện của một số học sinh chưa cao...

d. Cơ sở vật chất:

Chưa đồng bộ và hiện đại; phương tiện, thiết bị, dụng cụ phục vụ dạy và học đã xuống cấp và hư hỏng nhiều.

Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu.

Thư viện chưa được trang bị hiện đại và đầy đủ.

Công tác làm đồ dùng dạy học được triển khai nhưng chưa mang lại hiệu quả cao, các đồ dùng có giá trị còn ít.

Chưa có khối phòng học bộ môn đạt chuẩn nên ảnh hưởng lớn đến chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

Hệ thống thoát nước thải dầy kí túc xá THCS đã xuống cấp và thường xuyên tắc nghẽn, thậm chí dột xuống nhà ăn...

2. Mục đích TĐG

Tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và phổ thông nhiều cấp học;

Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

Quyết định số 44/QĐ-DTNT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Trường PTDTNT THCS và THPT Đắc Mil về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2021-2022 của trường gồm 12 thành viên.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ như sau:

* Từ ngày 10 tháng 11 năm 2021 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022:

Họp liên tịch trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá.

Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Họp Hội đồng tự đánh giá để công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.

Triển khai kế hoạch tự đánh giá nhà trường.

* Từ ngày 15 tháng 11 năm 2021 đến ngày 15 tháng 1 năm 2022: tổ chức thực hiện tự đánh giá.

Tổ chức hội nghị tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan; dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá; các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được; lập bảng danh mục mã minh chứng; các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí và phiếu đánh giá tiêu chí mức 1.

Họp Hội đồng tự đánh giá để thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá; các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí mức 1 với

Hội đồng đánh giá tiêu chí mức 1, có chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng; thu thập, xử lý minh chứng bổ sung; dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan; tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung; công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường; thu thập các ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo tự đánh giá; bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp; đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành.

Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường.

Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định.

Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.

*Từ ngày 15 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 1 năm 2022:

Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc báo cáo kết quả tự đánh giá của trường về Sở giáo dục đào tạo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý nhà trường là nhiệm vụ quan trọng quyết định cấu trúc bộ máy và điều hành quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường PTDTNT THCS

và THPT huyện Đắk Mil có đầy đủ các tổ chức, bộ phận theo hướng dẫn của Luật Giáo dục và Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, theo Thông tư 01/2016 về Hướng dẫn hoạt động và tổ chức của trường Phổ thông Dân tộc nội trú. Từng tổ chức, bộ phận có nhiệm vụ, chức năng cụ thể, hoạt động vừa độc lập vừa phối hợp chặt chẽ với nhau, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ nhà trường. Các hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác được tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, dân chủ, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn nhà trường, hoạt động có hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2015–2020 và chiến lược phát triển giai đoạn 2020–2025 và tầm nhìn 2030 có phê duyệt của SGD. Nội dung của Kế hoạch chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-01]

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản, đã công bố trước Hội đồng sư phạm nhà trường và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01];

Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ: ptdntdakmil.daknong.edu.vn [H1-1.1-02].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện đầy đủ, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương.

Chiến lược đã xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, định hướng mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường giai đoạn 2015–2020 và tầm nhìn 2025, là cơ sở, tiền đề để xây dựng kế hoạch từng NH nói chung và các kế hoạch hoạt động khác nói riêng.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015–2020 và tầm nhìn 2025, mới chỉ thật sự quan tâm, nghiên cứu trong thời gian gần đây. Do đó việc tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từng cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch chiến lược và kế hoạch NH của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng NH. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, từng NH, qua đó đề xuất các giải pháp thực hiện kế hoạch; chủ động tham mưu với cấp trên, tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chăm sóc sức khỏe, Hội đồng giám sát thi giáo viên giỏi và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định, cụ thể như sau:

Hội đồng trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập bao gồm : Ban giám hiệu, trưởng các tổ chức đoàn thể, đại diện phụ huynh học sinh [H1-1.2-01];

Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng kỉ luật được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học. Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm: Phó Hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn, Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng Tổ văn phòng, thư kí hội đồng [H1-1.2-02], [H1-1.2-03];

Ngoài ra nhà trường có các Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định thành lập theo nhiệm vụ cụ thể của từng năm học như: Hội đồng chăm sóc sức khỏe, Hội đồng giám sát thi giáo viên giỏi và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

được quy định trong Luật Giáo dục hiện hành và Điều lệ trường trung học, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.2-04], [H1-1.2-05];

Hàng năm, có rà soát đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ riêng của từng thành viên, qua đó có thể bổ sung, thay đổi nhân sự, kiện toàn Hội đồng nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục theo kế hoạch [H1-1.2-04].

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định.

Từng thành viên của các hội đồng đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, có những ý kiến đóng góp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Hội đồng trường chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy mạnh mẽ Quy chế dân chủ cơ sở, hàng năm, nhà trường tổ chức tập huấn nghiệp vụ, rà soát rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp tối ưu để tất cả các thành viên trong Hội đồng hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định ;

Chi bộ Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện chức năng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ, từng năm học, sinh hoạt định kỳ một tháng 01 lần và ra nghị quyết [H1-1.3-01];

Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn, dưới sự chỉ đạo của Công đoàn ngành giáo dục và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ. Công đoàn nhà trường góp phần xây dựng khối đoàn kết nội bộ cơ quan và giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với công đoàn viên, nhiều năm liền được xếp loại Công đoàn trong sạch vững mạnh [H1-1.3-02] ;

Đoàn thanh niên hoạt động theo điều lệ Đoàn thanh niên Cộng sản HCM dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ, góp phần quan trọng vào việc giáo dục tư tưởng đạo đức cho học sinh, các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề tháng từ đó đóng góp tích cực vào các hoạt động chung của nhà trường [H1-1.3-03];

Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra, qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với cấp trên giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị. [H1-1.3-01], [H1-1.3-02], [H1-1.3-03].

Mức 2:

Hằng năm, Chi bộ đều tổ chức đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên. Từ năm 2017 đến 2021 chi bộ luôn đạt chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01].

Các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt chức năng tham mưu đóng góp ý kiến, xây dựng cho nhà trường góp phần vào việc thực hiện thành công kế hoạch của nhà trường [H1-1.3-02], [H1-1.3-03].

Mức 3:

Trong 05 năm từ 2017 đến 2021: Chi bộ nhà trường 5 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]

- Đối với nhà trường: Từ năm 2017 đến 2021 Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Đối với công đoàn: 05 năm liên tiếp đều được xếp tổ chức Công đoàn trong sạch vững mạnh.

- Đối với tổ chức Đoàn thanh niên :

+ Năm 2020- 2021 đạt thành tích xuất sắc – Huyện Đoàn khen

+ Năm 2021- 2022 đạt thành tích xuất sắc – Huyện Đoàn khen

- Đối với tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh:

+ Năm học 2017 – 2018 Liên đội đạt thành tích xuất sắc- Huyện Đoàn

khen

+ Năm học 2017 – 2018 Liên đội đạt thành tích xuất sắc- Tỉnh Đoàn tặng bằng khen

+ Năm học 2019 – 2020 Liên đội đạt thành tích xuất sắc- Huyện Đoàn khen

+ Năm học 2020 – 2021 Liên đội đạt thành tích xuất sắc- Huyện Đoàn khen

+ Năm học 2021 – 2022 Liên đội đạt thành tích xuất sắc- Huyện Đoàn khen

Như vậy các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình và thực hiện các nhiệm vụ chính trị xã hội giúp cho công tác và hoạt động chung của nhà trường ngày càng phát triển [H1-1.3-02], [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

- Chi bộ Đảng thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các chủ trương lớn trong phát triển sự nghiệp của nhà trường;

- Tổ chức Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền lợi người lao động đồng thời làm tốt công tác phối hợp với nhà trường thực hiện các chế độ chính sách, các phong trào thi đua,... góp phần vào việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn của công đoàn viên;

- Tổ chức Đoàn thanh niên - Đội thiếu niên đã phối hợp với nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh và tổ chức các hoạt động phong trào thu hút đông đảo học sinh cùng tham gia tạo ra được sân chơi bổ ích, góp phần làm phong phú hoạt động giáo dục, bảo toàn văn hóa các dân tộc.

3. Điểm yếu

- Cán bộ cốt cán, lãnh đạo các đoàn thể còn kiêm nhiệm nhiều việc nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả công việc;

- Còn một vài đảng viên, Công đoàn viên chưa thực sự gương mẫu, chưa phát huy tinh thần trách nhiệm trong công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện để Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể được tham gia học tập ở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, từng bước nâng cao nghiệp vụ và tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động.

- Đổi mới hình thức tổ chức và nội dung các hoạt động Đoàn, Công đoàn để cuốn hút đoàn viên công đoàn tham gia nhiệt tình hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm theo đúng quy định [H1-1.4-01];

Đầu mỗi NH, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng theo đúng quy định của điều lệ trường trung học và chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường hiện có 02 tổ chuyên môn: Tổ Khoa học Xã hội gồm giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Tiếng Anh, Mĩ thuật và Âm nhạc; tổ Khoa học Tự nhiên gồm giáo viên các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, GDTC [H1-1.4-02], [H1-1.4-03], [H1-1.4-04] ;

Căn cứ vào kế hoạch NH của nhà trường, các tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động đúng với chức năng, nhiệm vụ theo từng NH và theo từng tháng, từng tuần [H1-1.4-02], [H1-1.4-03], [H1-1.4-04] .

Mức 2:

Đầu mỗi NH, các tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, kế hoạch cá nhân của tổ viên, tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; phân công viết chuyên đề mỗi năm 02 chuyên đề trên một tổ, viết sáng kiến, làm nghiên cứu khoa học ứng dụng, lên kế hoạch phân công Hội giảng, dự giờ nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.4-02], [H1-1.4-03], [H1-1.4-04] ;

Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần nhằm đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch nhằm bổ sung, điều chỉnh và đề ra các biện pháp thực hiện kế hoạch hiệu quả hơn trong thời gian tiếp theo [H1-1.4-02], [H1-1.4-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn nên sự vận hành của nhà trường đảm bảo chặt chẽ, khoa học; việc thực hiện kế hoạch của nhà trường đảm bảo xuyên suốt và thống nhất từ trên xuống dưới.

- Đội ngũ cán bộ cốt cán đều có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ

3. Điểm yếu

Sinh hoạt của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu; số lượng giáo viên từng môn ít, dạy nhiều khối, nhiều môn chỉ 1 giáo viên nên việc dự giờ, góp ý giờ dạy, sinh hoạt chuyên đề chưa phát huy hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, từng bước cải tiến hình thức và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng trao đổi kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy.

- Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên được tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn đồng thời liên kết với các trường trong địa bàn, tạo điều kiện để giáo viên được tham gia sinh hoạt chuyên môn nhằm trao đổi và tích lũy kinh nghiệm trong giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Sĩ số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 2 cấp học: THCS và THPT. Cấp THCS có đủ 4 khối lớp: Khối 6, khối 7, khối 8, khối 9; cấp THPT có đủ 3 khối lớp: khối 10, khối 11, khối 12 [H1-1.5-02];

Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó được chia thành 04 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi NH.

[H1-1.5-04]

Giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh theo nguyên tắc tự quản, dân chủ trên cơ sở nội quy của nhà trường, nội quy của lớp xây dựng đầu năm học, tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức. Các tiết sinh hoạt do chủ nhiệm lớp điều hành, giải quyết những công việc chung của lớp. Cuối học kì, năm học học sinh tự đánh giá, nhận xét, xếp loại và làm cơ sở để giáo viên chủ nhiệm đánh giá [H1-1.5-03], [H1-1.5-04].

Mức 2:

Trường có 7 lớp học (từ lớp 6 đến lớp 12). Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

[H1-1.5-02].

Mức 3:

Trường có 7 lớp học (từ lớp 6 đến lớp 12). Sĩ số học sinh không quá 35 học sinh theo quy định của trường chuyên biệt [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

- Biên chế tổ chức lớp học, sĩ số học sinh trong một lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học.

- Số lớp phù hợp với điều kiện nhà trường, thuận lợi cho tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Số lượng học sinh mỗi lớp không quá đông nên thuận lợi trong dạy học và giáo dục (mỗi lớp chỉ có tối đa 30 học sinh).

3. Điểm yếu

Kĩ năng tự điều hành và tự sinh hoạt tập thể ở lớp 6, lớp 7, học sinh đồng bào còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Đoàn trường tập huấn kĩ năng điều hành, quản lý cho ban cán sự lớp. Nhằm rèn luyện kĩ năng sinh hoạt tập thể.

- Làm phong phú các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh nâng cao kĩ năng sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục như: sổ đăng bộ, sổ nghị quyết, hồ sơ viên chức, sổ điểm điện tử, học bạ học sinh,... được lưu trữ đầy đủ tại phòng

vấn thư lưu trữ. Hồ sơ tài chính, tài sản đầy đủ được lưu trữ theo quy định do kế toán trực tiếp phụ trách

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được dự thảo và đưa ra bàn bạc thống nhất, công khai dân chủ định kỳ hàng năm tại Hội nghị công chức, viên chức nên đảm bảo sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực hiện có, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường

[H1-1.6-01], [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08];

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả
[H1-1.6-09].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc; công tác công khai được đảm bảo theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát ngược.

- Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hằng năm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Hằng năm bổ sung, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế của đơn vị.

- Sử dụng công nghệ thông tin số để thuận lợi cho việc lưu trữ, quản lý hồ sơ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng

cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường. Ngoài ra, nhà trường còn khuyến khích giáo viên tự học, tự tham gia bồi dưỡng các lớp liên quan đến công tác chuyên môn và nghiệp vụ [H1-1.7-01];

Hàng năm, trước khi vào NH mới nhà trường rà soát nhân sự, phân công nhiệm vụ từng cá nhân, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực cá nhân, đảm bảo hoạt động hiệu quả từng nhiệm vụ được phân công [H1-1.7-02], [H1-1.7-03], [H1-1.7-04].

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh và các nhiệm vụ khác; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng lương, phụ cấp, thâm niên và các chế độ khác theo quy định của nhà nước; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách của nhà nước; được bảo vệ nhân phẩm và danh dự; được hưởng các quyền khác theo quy định [H1-1.7-04], [H1-1.7-05].

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường phân công, sử dụng đội ngũ rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực, sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo hiệu quả công việc.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Khó khăn trong bồi dưỡng do đa số các môn học chỉ có một giáo viên nên việc tham bồi dưỡng chuyên môn ảnh hưởng đến phân công giảng dạy, số tiết nghĩa vụ chưa cân đối.

Một vài giáo viên lớn tuổi ngại đổi mới, hạn chế sử dụng công nghệ thông tin nên việc bồi dưỡng thường xuyên chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khắc phục khó khăn, làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Định kỳ rà soát việc thực hiện nhiệm vụ được giao, chú trọng tự kiểm tra và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của từng thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu NH nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục được thảo luận, bàn bạc và thống nhất một cách công khai dân chủ nên phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.8-01];

Kế hoạch giáo dục gồm: Kế hoạch NH, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần của nhà trường, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật, kế hoạch lao động, kế hoạch sinh hoạt ký túc xá, ... được thể hiện khá đầy đủ về mặt nội dung, chi tiết các hoạt động giáo dục theo Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo. Các kế hoạch của nhà trường, đoàn thể, các tổ bộ phận được cụ thể hóa theo từng tuần, từng tháng và học kỳ; [H1-1.8-02]

Định kỳ, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh kịp thời các giải pháp để hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục [H1-1.8-03].

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đảm bảo khoa học, chi tiết, có tính khả thi cao, phù hợp với thực tiễn nhà trường, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời tạo động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sở trường công tác.

3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra đánh giá đôi lúc chưa kịp thời và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công tác kiểm tra đánh giá phải kịp thời, phải làm thường xuyên và chặt chẽ hơn. Định kỳ rà soát, nghiêm túc, khách quan trong kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm, đưa ra được các giải pháp để quản lý các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, Trường tổ chức Hội nghị công nhân viên chức ngay đầu NH, tại Hội nghị các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: Quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ cơ sở, quy tắc ứng xử [H1-1.9-01], [H1-1.9-02].

Nhà trường phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức phổ biến nhiệm vụ NH, kế hoạch NH để trên cơ sở đó cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường phát huy quyền dân chủ của mình, tránh tình trạng gây mất đoàn kết nội bộ, lợi dụng dân chủ, dân chủ hình thức, làm ảnh hưởng tới sự phát triển và ổn định của nhà trường [H1-1.1-03];

Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật. Do vậy trong nhiều năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-05].

Hàng năm, nhà trường báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị công chức, viên chức và người lao động [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04];

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lý, qua đó củng cố lòng tin của tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên, nhân viên còn thụ động trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể, chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Hoạt động của Ban thanh tra nhân dân chưa hiệu quả và còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ của bản thân về mọi lĩnh vực để tích cực, tự tin đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị.

Tăng cường việc trao đổi góp ý qua hòm thư điện tử hoặc qua zalo nhóm của trường,...

Ban thanh tra nhân dân tập huấn nhằm nâng cao trình độ, nghiệp vụ và tăng cường công tác giám sát.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thi, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã bám sát các văn bản cấp trên để chỉ đạo kịp thời các tổ chức đoàn thể, tổ quản lý và chăm sóc sức khỏe nội trú, các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch và tuyên truyền tập huấn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực học đường; bình đẳng giới.... Bếp ăn phục vụ cho học sinh ăn ở nội trú tại trường được xây dựng đúng quy cách và đảm bảo đúng quy trình nấu ăn, đồng thời có đầy đủ hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm hằng ngày kiểm tra cung ứng thực phẩm 3 bước theo đúng quy trình, kiểm tra đột xuất chế độ ăn của học sinh; Nhà trường xây dựng tường rào bao quanh trường, mua bình và dụng cụ cứu hỏa, xây dựng nội quy nhà trường, nội quy ăn ở nội trú, hợp đồng thêm nhân viên bảo vệ trường 24/24 giờ, thành lập Đội thanh niên xung kích để đảm bảo an toàn an ninh trường học, khu nội trú. [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04], [H1-1.10-05], [H1-1.10-08],[H1-1.10-09].[H1-1.10-10].[H1-1.10-11].

Nhà trường xây dựng hộp thư góp ý sẵn sàng tiếp nhận thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Thông qua các cuộc họp ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường lắng nghe ý kiến góp ý từ cha mẹ học sinh và tiến hành giải đáp các ý kiến phản hồi một cách nhanh chóng, trung thực, khách quan, thấu tình, đạt lý [H1-1.10-06].

Là một trường chuyên biệt, đa số học sinh là các dân tộc thiểu số, đến từ nhiều địa bàn khác nhau, kinh tế và hoàn cảnh gia đình khác nhau nhưng giữa các em không có sự kì thị dân tộc, vùng miền, cũng như không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-08].

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự thông qua việc phối hợp với Công an thị trấn Đắk Mil và lên kế hoạch của đơn vị; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường được xây dựng và thực hiện có hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, đa dạng giúp học sinh hiểu rõ, nắm vững và tuân thủ thực hiện. Nhà trường lắp đặt camera khu ăn ở nội trú, phòng học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tạo môi trường giáo dục an toàn, góp phần thuận lợi cho công tác giáo dục, chăm sóc học sinh.

3. Điểm yếu

Các phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống cháy nổ còn ít.

Công tác phòng chống cháy nổ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh chưa được được thường xuyên.

Một số ít học sinh còn vi phạm nội quy của nhà trường, nội trú

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Thường xuyên giáo dục pháp luật cho học sinh, thông qua các tiết học, chào cờ, tiết sinh hoạt lớp, các buổi ngoại khóa, sinh hoạt nội trú. Xây dựng nội dung giáo dục ngắn gọn, thiết thực, hợp lí, hấp dẫn và sinh động để thu hút học sinh tham gia.

- Tăng cường phối hợp với công an huyện trong việc bảo đảm an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường, xây dựng các cam kết về đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học và yêu cầu học sinh kí và thực hiện nghiêm các cam kết này.

- Phân công giáo viên giám sát, trích xuất camera hằng ngày và cùng với Đoàn thanh niên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, theo dõi sát sao tình hình của học sinh và có biện pháp giáo dục kịp thời khi học sinh có biểu hiện vi phạm nội quy.

- Nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức rèn luyện đạo đức của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 3/10 (3/10) tiêu chí chiếm 30 %
 - Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 2/10 (2/5) tiêu chí chiếm 20 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuẩn, có năng lực, tận tụy, hết lòng với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, giảng dạy và giúp đỡ tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt nên hàng năm có nhiều giáo viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, bằng khen các cấp.

Mối đoàn kết nội bộ trong nhà trường được đẩy mạnh và phát triển không ngừng. Tập thể Cán bộ - giáo viên - nhân viên trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông ra Quyết định bổ nhiệm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo qui định của Điều lệ trường trung học: trình độ đào tạo, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có năng lực quản lý, đủ sức khoẻ theo yêu cầu, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-01];

Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cấp THPT và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng có kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; cập nhật kịp thời các yêu cầu đổi mới của ngành về chuyên môn, nghiệp vụ. Có tinh thần đổi mới, sáng tạo trong việc vận dụng các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân [H1-1.7-01];

Hiệu trưởng có trình độ Cử nhân chuyên ngành Toán và 01 Phó hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ quản lý giáo dục, 01 Phó hiệu trưởng còn lại có trình độ cử nhân sư phạm Toán. Lãnh đạo nhà trường đã được bồi dưỡng qua lớp quản lý giáo dục, bồi dưỡng lớp Quốc phòng- An ninh và có trình độ Lý luận chính trị Cao cấp [H2-2.1-03].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-1.7-02].

Trong năm học 2021 – 2022, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá [H2-2.2-01].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-01].

Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học [H1-1.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, có nhiều năm công tác, đoàn kết, có trách nhiệm với công việc được giao, năng động, sáng tạo. Hàng năm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục đầy đủ, đúng quy định; được cán bộ, GV, NV tin nhiệm

3. Điểm yếu

- Còn hạn chế trong việc sử dụng tiếng dân tộc M' nong trong giao tiếp trao đổi với học sinh.

- Việc tiếp thu bài học giữa các em học sinh dân tộc thiểu số khác nhau còn có sự chênh lệch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm vượt khó trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà trường.

- Có kế hoạch tăng cường bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, tiếng dân tộc thiểu số và tìm hiểu, nắm rõ những phong tục tập quán của học sinh thuộc các thành phần dân tộc khác nhau đang học tập tại Trường để phục vụ tốt hơn cho công việc quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H2-2.2-01].

Hàng năm đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều đạt loại khá trở lên [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm đều tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức Tốt trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

Cán bộ quản lý có chứng nhận được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định, hằng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn đạt tỉ lệ tín nhiệm cao nhưng khi so với mục tiêu đặt ra của nhà trường thì năng lực sử dụng tiếng anh của

cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên bản ngữ đôi lúc gặp khó khăn [H2-1.4-01]; [H2-1.4-02]; [H2-2.1-02].

Cán bộ quản lý có chứng nhận được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định, hằng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn đạt tỉ lệ tín nhiệm cao nhưng khi so với mục tiêu đặt ra của nhà trường thì năng lực sử dụng tiếng anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên bản ngữ đôi lúc gặp khó khăn [H2-1.4-01]; [H2-1.4-02]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ công tác quản lý; có khả năng vận dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhà trường.

Năng lực sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với học sinh bản địa đôi lúc gặp khó khăn.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng sắp xếp học tập, bồi dưỡng năng lực sử dụng tiếng anh trong giao tiếp và đạt trình độ ngoại ngữ theo đề án vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm gần đây số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận của trường đầy đủ theo quy định Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, bao gồm 01 nhân viên văn thư (giáo viên thiết bị phụ trách), 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên học vụ (giáo viên bộ môn phụ trách), 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên phục vụ và 02 nhân viên bảo vệ, trong năm học 2018 – 2019 có 01 nhân viên văn thư qua đời, 01 nhân viên thư viện di dân định cư ở nước ngoài [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

Đội ngũ nhân viên nhà trường đều có chứng chỉ đào tạo đúng chuyên ngành theo vị trí công việc và được phân công thực hiện nhiệm vụ đúng chuyên môn, năng lực của từng cá nhân [H2-2.2-01].

Tất cả nhân viên nhà trường đều có ý thức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, 100% nhân viên đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hằng năm [H2-2.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có 01 kế toán, 01 văn thư, 01 y tế và thủ quỹ đã đầy đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu hoạt động [H2-2.3-01].

Từ năm 2014 đến nay, nhà trường không có trường hợp công nhân viên vi phạm nội quy đơn vị hay bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03].

Mức 3:

nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên cụ thể như sau: kế toán trình độ đại học, y tế trình độ trung cấp chuyên nghiệp nên đã đảm bảo được chuyên môn và đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.3-02].

Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, trong đó nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn phòng cháy chữa cháy định kỳ [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công việc.

Viên chức phụ trách thư viện, học vụ chưa qua đào tạo đúng chuyên ngành.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 hiệu trưởng tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông tăng cường viên chức đào tạo đúng chuyên ngành hoặc cử người tham gia các khóa đào tạo do ngành tổ chức trong năm học tới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch phân tuyến của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, học sinh đầu cấp hằng năm đều có độ tuổi từ 11 đến 12 tuổi, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 02 lần trong một cấp học [H2-2.4-01].

Đầu mỗi năm học, nhà trường triển khai đến học sinh những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và các hành vi học sinh không được làm (Điều 38 và Điều 41 trong Điều lệ trường trung học) trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm và được ghi vào vở môn Giáo dục công dân và mỗi học sinh được cập nhật mới Nội quy học sinh nhằm giáo dục trách nhiệm cá nhân trong sinh hoạt bên cạnh đó vẫn còn số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường do nhiều nguyên nhân khác nhau [H2-2.4-02].

Bên cạnh đó, thông qua các tiết sinh hoạt chủ nhiệm đầu năm và sinh hoạt dưới cờ, Hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm phổ biến đến các lớp quyền của học sinh (Điều 39 và Điều 40, Điều lệ trường trung học); nhà trường đạt những quy chuẩn về cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu học sinh học tập ở lớp, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, ngoại khóa, văn thể mỹ của nhà trường theo quy định, các em được tham gia các hoạt động phát triển năng khiếu về thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức; được giáo dục kỹ năng sống; Học sinh giỏi và học sinh khó khăn, hiếu học được nhận học bổng do chi hội khuyến học nhà trường cấp và các mạnh thường quân tài trợ, học sinh thuộc diện chính sách được hưởng chế độ miễn giảm theo quy định [H2-2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong các hoạt động giáo dục học sinh, khi học sinh vi phạm các hành vi không được làm sẽ được thông báo cụ thể đến phụ huynh để có hướng hỗ trợ học sinh khắc phục, áp dụng các biện pháp kỷ luật tích cực và hình thức giáo dục phù hợp để các em có chuyển biến tích cực [H2-2.4-04].

Mức 3:

Định kỳ, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm Tổng phụ trách và giáo viên chủ nhiệm luôn có hình thức khen thưởng và khen thưởng đột xuất đối với tập thể lớp và học sinh có thành tích nhằm tạo ảnh hưởng tích cực [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Học sinh tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức.

Học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm vận động các mạnh thường quân trao học bổng, tiếp sức đến trường.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 Phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động giáo dục tăng cường tuyên truyền giáo dục học sinh bằng nhiều hình thức: lồng ghép trong tiết dạy văn, giáo dục công dân, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt Đội, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Bản tin tuyên truyền, Chương trình phát thanh học đường, xây dựng – biểu diễn tiêu phẩm, diễn đàn, đồ vui...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Đội ngũ quản lí của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được tập thể giáo viên, nhân viên tin nhiệm, thúc đẩy quá trình đổi mới quản trị hoạt động dạy học và giáo dục học sinh hiệu quả; đảm bảo giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục phù hợp với phương pháp học tập đa dạng, nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng học tập của mỗi học sinh; kết quả học tập, rèn luyện của học sinh được nâng cao.

- Còn hạn chế trong việc sử dụng tiếng dân tộc M' nong trong giao tiếp trao đổi với học sinh.

- Việc tiếp thu bài học giữa các em học sinh dân tộc thiểu số khác nhau còn có sự chênh lệch.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 1/4 (1/4) tiêu chí chiếm 25 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khuôn viên trường có hệ thống cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01];

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tường bao quanh bằng gạch cao 1,8m và rào bằng sắt cao 1,8m ở mặt trước của khuôn viên trường, đảm bảo cách biệt với các hoạt động bên ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho quản lí học sinh trong cũng như ngoài giờ học [H3-3.1-02];

Nhà trường có 01 sân bóng chuyên, 01 hồ nhảy xa, 01 nhà đa chức năng thuận tiện cho các môn học như đá cầu, cầu lông và tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, ngoài giờ cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch cải tạo và nâng cấp cảnh quan, môi trường và sân chơi bãi tập cho học sinh từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện, công tác xã hội hoá, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, xây dựng được cho học sinh môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh.

3. Điểm yếu

- Do hạn chế về diện tích và nguồn vốn nên nhà trường vẫn chưa thể xây dựng được sân bóng đá mini, đường chạy, sân bóng rổ, khu hít xà đơn, xà kép... cho các hoạt động thể dục thể thao của học sinh

- Việc thiết kế cảnh quan, bồn hoa cây cảnh của nhà trường chưa thật đẹp và hợp lý.

- Sân trường, sân tập thể dục bê tông đã lâu năm nên một số chỗ xuống cấp trầm trọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo để mở rộng khuôn viên nhà trường và thiết kế sân chơi, bãi tập riêng cho học sinh nội trú, cải tạo lại sân trường.

- Tích cực chăm sóc cây xanh, tạo dựng môi trường “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn” phục vụ tốt hơn các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. coi trọng và tổ chức thường xuyên việc rèn luyện cho học sinh ý thức tự giác bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Cán bộ phụ trách công tác lao động xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các giáo viên chủ nhiệm, các lớp định kỳ cắt tỉa, tạo hình, bón phân, tưới nước cho cây. Giáo viên chủ nhiệm các lớp triển khai và thực hiện nghiêm túc kế hoạch lao động, dọn vệ sinh khu vực viên nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 07 phòng học, trong phòng có đủ bàn ghế loại 2 chỗ ngồi cho học sinh, phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết chống lóa. Mỗi phòng học được trang bị 01 tivi 55 inch, có quạt, đèn, cửa sổ đủ điều kiện ánh sáng và thoáng mát, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học theo đúng qui định; đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày [H3-3.2-01];

Nhà trường có 01 phòng học bộ môn Tiếng Anh, 01 phòng Tin học; 01 phòng thực hành môn KHTN [H3-3.2-02];

Nhà trường có thư viện, phòng đoàn – đội kết hợp với phòng truyền thống [H3-3.2-03];

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Trong mỗi phòng học đều có Tivi, đèn chiếu sáng, có quạt, bảng chống lóa đảm bảo đúng quy định. Có bàn ghế của học sinh, giáo viên đạt tiêu chuẩn đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT.

Hàng năm, nhà trường thường xuyên tu sửa, đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; mua sách tham khảo để trang bị cho thư viện; Làm tốt công tác tham mưu với cấp trên để đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường.

3. Điểm yếu

Phòng học chưa đủ để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trường mới chỉ có 01 phòng thực hành dùng chung cho 3 môn Vật lý, Hóa học, Sinh học. Còn thiếu nhiều phòng học bộ môn như: Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, KHXH.

Phòng dành riêng cho các tổ sinh hoạt chuyên môn còn thiếu.

Phòng Đoàn – đội còn phải dùng chung với phòng Truyền thống.

Máy tính ở phòng học Tin học đã cũ và chất lượng hạn chế, số lượng chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của của học sinh.

Đầu sách tham khảo ở thư viện còn ít và chưa phong phú về số lượng, chất lượng.

Thiết bị dạy học một số bộ môn đã cũ và hư hỏng nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương và cấp trên xây dựng thêm khối phòng học bộ môn, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho nhà trường, trang bị thêm sách tham khảo cho thư viện; Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa trong giáo dục, kêu gọi sự hỗ trợ từ Ban đại diện Cha mẹ học sinh để nâng cấp phòng học Tin học phục vụ dạy và học cho giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó chỉ đạo đội ngũ giáo viên, nhân viên tăng cường nâng cao hiệu suất sử dụng các thiết bị hiện có tại đơn vị và tăng cường làm đồ dùng dạy học .

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Công Đoàn, 01 phòng trực nội trú, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Văn thư - thủ quỹ, 01 phòng Y tế, nhìn chung đáp ứng yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-01];

Nhà trường có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, tuy nhiên diện tích còn nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu để xe cho toàn trường [H3-3.3-02];

Hàng năm, nhà trường có kiểm kê taif sản, mua sắm bổ sung sửa chữa các thiết bị cần thiết phục vụ cho khối hành chính - quản trị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, cùng trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi hoạt động chung của nhà trường.

Cảnh quan nhà trường thoáng, mát, xanh, sạch, đẹp và an toàn.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà để xe chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng. Một số máy tính, máy in và máy phô tô của khối phòng hành chính đã bị hư hỏng cần được thay thế.

Còn thiếu phòng làm việc của thư kí hội đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên xây dựng khối phòng học bộ môn để sắp xếp lại khối phòng hành chính, quản trị phù hợp để đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 khu vệ sinh riêng cho giáo viên, nhân viên có 02 phòng nam, nữ riêng biệt và 01 khu vệ sinh cho học sinh hàng ngày đều được quét dọn đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên diện tích sử dụng khu nhà vệ sinh của học sinh chưa đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng; mỗi phòng ở của học sinh đều có phòng vệ sinh riêng,

đảm bảo không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi và an toàn cho học sinh nội trú [H3-3.4-01];

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo sinh hoạt và vệ sinh môi trường; trường có hệ thống nước giếng khoan đủ phục vụ nước sinh hoạt, có hệ thống nước sạch phục vụ nấu ăn và hệ thống máy lọc nước và đun sôi phục vụ nước uống cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02];

Trường ký hợp đồng thu gom rác thải hàng ngày với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu nuôi dạy và chăm sóc học sinh nội trú.

3. Điểm yếu

Hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh của học sinh ở ký túc xá khối THCS đã xuống cấp nên hay bị tắc và thấm dột gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của học sinh.

Nhà vệ sinh dùng chung của học sinh chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Còn một số HS chưa có ý thức trong việc thu gom rác, bỏ rác đúng nơi quy định nên hiện tượng xả rác bừa bãi còn xảy ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu UBND huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh cho học sinh ở ký túc xá THCS và nhà vệ sinh dùng chung của học sinh.

Từng bước cải tạo khu vực vườn cây tạo cảnh quan nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Tăng cường các hoạt động giáo dục nâng cao ý thức học sinh qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chủ nhiệm. Đồng thời xử lý nghiêm theo quy định các học sinh vi phạm để răn đe, giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường được trang bị đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ công việc theo vị trí việc làm. Máy tính, máy in, máy scan, máy tính phục vụ công tác quản lý và làm việc [H3-3.5-01];

Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, ngoài ra nhà trường còn trang bị thêm 07 tivi 55 inch cho mỗi phòng học nhằm hỗ trợ tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. [H3-3.5-02];

Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa và được bổ sung, thay thế để bảo đảm chất lượng làm việc và bảo quản tài sản công theo quy định [H3-3.5-03].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Mỗi phòng học đều trang bị 01 màn hình Tivi hỗ trợ tốt vào việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được được chú trọng, trang bị đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập.

Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể chi tiết. Thiết bị được mua sắm, sửa chữa, bổ sung hàng năm kịp thời.

3. Điểm yếu

Nhu cầu về mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học rất lớn nhưng ngân sách có hạn nên chưa đáp ứng hết các yêu cầu của việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Thiết bị dạy học khối THPT còn thiếu nhiều và chưa đáp ứng được nhiệm vụ dạy học.

Phong trào làm đồ dùng dạy học của giáo viên hàng năm chưa được chú trọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu với cấp trên, kết hợp với việc tiết kiệm chi thường xuyên, huy động nguồn xã hội hóa để thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hỏng.

Tham mưu cấp trên xây dựng phòng học bộ môn và cấp trang thiết bị dạy học để đảm ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường.

Đẩy mạnh phong trào thi đua trong nhà trường để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có giá trị và đưa vào sử dụng thiết thực, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01];

Thư viện nhà trường mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3-3.6-02];

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-03].

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu, báo cho giáo viên và học sinh góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh

Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

3. Điểm yếu

Số lượng đầu sách còn hạn chế nhất là sách tham khảo và các sách khoa học để học sinh, giáo viên tham khảo.

Diện tích thư viện chưa đáp ứng việc phục vụ đông đảo người đọc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 0/6 (0/6) tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 3: 0/6 (0/5) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của Cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của ban ngành đoàn thể đặc biệt là sự tin yêu, giúp đỡ của nhân dân, của phụ huynh học sinh. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp, công tác giáo dục kỹ năng sống, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy học và ăn ở của học sinh tại trường... Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Đăk Mil trong những NH đã được các cấp ghi nhận.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng gặp một số khó khăn như trình độ nhận thức về giáo dục của một số cha mẹ học sinh còn chưa đúng, còn đẩy hết trách nhiệm cho nhà trường trong công tác giáo dục cho học sinh. Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và một số tổ chức đoàn thể ở địa phương còn mang tính hình thức, thiếu chủ động và linh hoạt. Sau đây là phần mô tả chi tiết cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu NH nhà trường tiến hành họp cha mẹ học sinh, bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp gồm có: 1 Trưởng ban, 1 phó ban và 1 uỷ viên. Tổ chức hội nghị ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp cùng nhà trường bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường gồm các thành viên: 1 Trưởng ban, 1 Phó ban và các uỷ viên kiêm thư ký [H4-4.1-01];

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng NH [H4-4.1-03] Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các hoạt động theo quy định ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Mỗi NH, Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp thực hiện ít nhất 3 phiên họp thường kỳ, các phiên họp cha mẹ học sinh tham gia đầy đủ và nhất trí cao với kế hoạch NH của nhà trường [H4-4.1-01]

Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ NH và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, có ý định bỏ học tiếp tục học tập tại trường, nắm bắt hoàn cảnh học sinh kịp thời để có những hành động thiết thực nhằm giúp đỡ các em. [H4-4.1-02]

Kế hoạch của Ban đại diện CMHS trường được triển khai thực hiện đúng tiến độ với sự phối hợp của CBQL nhà trường và đội ngũ GVCN các lớp. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức ít nhất 3 kỳ họp phụ huynh (đầu năm, giữa năm và cuối năm) để triển khai thực hiện kế hoạch đồng thời, trao đổi kết quả rèn luyện, học tập của HS, thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục HS. [H4-4.1-02] ; [H4-4.1-03] [H4-4.1-04]

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu NH, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung và phương pháp giáo dục, đạt được một số kết quả nhất định. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh; Thông tin kịp thời cho cha mẹ học sinh biết về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của con em mình nhằm có những sự quan tâm và điều chỉnh phù hợp đối với học sinh

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên có những cuộc họp, trao đổi với Ban đại diện cha mẹ học sinh, kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. Cũng như được sự nhất trí đồng ý cao của các phụ huynh trong việc vận động tài trợ cho hoạt động của nhà trường để phục vụ tốt nhất cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh tại trường

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

Một số đại diện cha mẹ học sinh của các lớp hoạt động chưa hiệu quả, chưa phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm để giáo dục học sinh.

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình, giao phó trách nhiệm hoàn toàn cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, cha mẹ học sinh thường xuyên liên lạc với giáo viên, với các tổ chức đoàn thể, tích cực tham gia các hoạt động dạy và học, sinh hoạt tập thể của nhà trường.

Nhà trường tăng cường trao đổi, nắm bắt thông tin kịp thời từ học sinh và cha mẹ học sinh để có những biện pháp phối hợp giáo dục phù hợp và kịp thời. Đảm bảo giáo dục toàn diện, phát triển mọi mặt cho từng học sinh về : thể chất, trí tuệ và tình cảm, phát triển đời sống tinh thần phong phú, phát huy năng lực, sức sáng tạo, biết chia sẻ, quan tâm đến môi trường, các vấn đề xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường với một số nội dung như: Tham mưu về công tác tuyển sinh, tuyên truyền vận động xã hội hoá giáo dục đầu tư cơ sở vật chất và một số chính sách nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục, sinh hoạt của nhà trường [H4-4.2-02]

Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, tổ chức các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-03]

Trong những năm qua, Nhà trường đã tích cực trong công tác xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực: Sự đóng góp tài trợ của cha mẹ học sinh, kinh phí giúp đỡ nhà trường đầu tư cơ sở vật chất [H4-4.2-02]

Nhằm thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, hằng năm lãnh đạo nhà trường trực tiếp tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược như: công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, công tác tuyển sinh, công tác phòng chống dịch bệnh [H4-4.2-01]

Trong những NH vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Vào dịp nghỉ hè nhà trường đã tổ chức lễ bàn giao học sinh trong hè với tổ chức đoàn thanh niên xã, thị trấn tổ chức hoạt động hè tại địa phương. Tổ chức các hoạt động tình nguyện. Tổ chức cho học sinh kí cam kết không vi phạm luật giao thông, không tham gia các tệ nạn xã hội, tàng trữ chất cháy nổ tại gia đình, địa phương. Tham mưu với sở giáo dục trong công tác phòng chống dịch covid ở nhà trường. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-04]; [H4-4.2-01]

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định như: Huy động đài truyền thanh, công an,.. giáo dục pháp luật, đạo đức cho học sinh. Huy động cựu học sinh hỗ trợ tủ sách cho thư viện nhà trường [H4-4.2-02]

Mức 2:

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với đảng uỷ, chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh tới trường. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức cá nhân và cộng đồng, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, an toàn. Tổ chức lễ tuyên dương học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập kịp thời, có mời phụ huynh của học sinh được tuyên dương, ban đại diện cha mẹ phụ huynh đến dự buổi lễ (thông qua sơ kết HKI và tổng kết năm học).

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa phối hợp tốt các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong NH 2021-2022 và các NH tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy Đảng; Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà

trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng và duy trì số lượng học sinh. Thường xuyên nêu gương “Người tốt, việc tốt” và kêu gọi giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn tích cực, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu NH, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh. Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung phương pháp giáo dục và đạt được nhiều kết quả rất khả quan. Nhà trường yêu cầu Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường, do đó đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình chỉ giao cho nhà trường.

Nhà trường chưa thật sự huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 0/2 (0/2) tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 3: 0/2 (0/2) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hoạt động giáo dục là một nhiệm vụ chính trị quan trọng. Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc, đúng chương trình, kế hoạch giảng dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chấp hành đầy đủ, thực hiện nghiêm túc các quy định và sự chỉ đạo về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông. Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Nhà trường luôn quan tâm tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động,

sáng tạo. Nền nếp, kỷ cương trong hoạt động dạy và học được giữ vững. Học sinh được học tập trong một môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện. Chính vì thế, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, chất lượng giáo dục trong các năm qua luôn luôn ổn định và từng bước được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục như Hoạt động ngoài giờ lên lớp, Giáo dục hướng nghiệp, giáo dục đạo đức lối sống và những bài học hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống,...theo quy định đảm bảo mục tiêu giáo dục, thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H5-5.1-01]

Nhà trường triển khai cho giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-03]

Nhà trường thực hiện đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả: Ban hành Quyết định kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ và có các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh như kiểm tra viết, kiểm tra thực hành đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả [H5-5.1-03]

Mức 2:

Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên, định kỳ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, kế hoạch báo giảng, qua hồ sơ giáo án, dự giờ và qua kiểm tra vở ghi của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo

dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh [H5-5.1-01]

Đầu năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Có học sinh đạt học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện, học sinh đạt huy chương trong kỳ thi Olympic khối dân tộc nội trú, năm học 2021-2022 nhà trường có 04 học sinh đạt giải nghiên cứu khoa học kỹ thuật (KHKT) cấp tỉnh [H5-5.1-01], [H5-5.1-02]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. [H5-5.1-04]

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và giáo viên đều xây dựng tốt kế hoạch hoạt động chuyên môn từng tuần, tháng, học kỳ và năm học. Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian biên chế năm học; thực hiện đầy đủ, kịp thời kế hoạch giảng dạy các môn học và đúng theo nội dung phân phối chương trình. Định kỳ nhà trường có rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện kế hoạch năm học, thực hiện kế hoạch giảng dạy của các tổ chuyên môn, của cá nhân.

3. Điểm yếu

Chương trình hướng nghiệp. Hoạt động ngoài giờ lên lớp do điều kiện CSVC và đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo chuyên sâu nên chỉ thực hiện ở dạng dạy lồng ghép, ngoại khóa chưa quy chuẩn.

Hàng tháng tổ chuyên môn có rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên và kết quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, việc đánh giá của các tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa đi sâu vào các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thời gian tới, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phối hợp với tổ chuyên môn, có biên pháp cụ thể chỉ đạo GV thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục theo quy định.

Tổ trưởng chuyên môn chủ động lên kế hoạch dự giờ, thăm lớp giúp đỡ những GV chưa tiệm cận với việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học phát huy năng lực HS. Nhóm chuyên môn, xây dựng các tiết dạy mẫu có áp dụng phương pháp, hình thức dạy học hiện đại để GV trong nhà trường được dự giờ rút kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi để chuẩn bị dự nguồn thi các cấp. Có xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu kém để nâng cao chất lượng giáo dục. [H5-5.2-01]

Trong những năm qua, vào đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch chỉ đạo giáo viên bộ môn khảo sát chất lượng, phân loại trình độ của học sinh (giỏi, khá, trung bình, yếu, kém) để có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Kế hoạch và tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi được sắp xếp học thêm tiết hoặc trong các tiết còn trống. [H5-5.2-03]

Cuối mỗi kì, mỗi năm học, thông qua sổ điểm, nhà trường đã tiến hành thống kê chất lượng HS, tổng hợp kết quả kiểm tra học kì của từng khối lớp, để phân loại HS. Từ đó, BGH, GVCN, GV bộ môn đánh giá chất lượng hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và có sự điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tế [H5-5.2-03]

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục như: Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện để phát triển. [H5-5.2-01], [H5-5.2-02]

Mức 3:

HS nhà trường tham gia thi HSG các môn văn hóa, TDTT, Quốc phòng, các cuộc thi KHKT và đã được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Kinh phí cho các hoạt động chưa nhiều nên ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động và phát triển năng khiếu HS [H5-5.2-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm giáo dục toàn diện đến học sinh, tăng cường rèn luyện giáo dục kỹ năng sống, có sức khỏe. Giáo dục toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ có chất lượng được đồng nghiệp, phụ huynh và cấp trên đánh giá cao.

Nhà trường đã chú trọng đến công tác phụ đạo cho học sinh yếu kém, có kế hoạch và thời khóa biểu cụ thể, đề ra các biện pháp hợp lý và kịp thời.

Nhà trường đã tổ chức giảng dạy theo khả năng tiếp thu của học sinh, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh.

Giáo viên tích cực phụ đạo học sinh yếu, kém nên tỷ lệ học sinh yếu kém giảm dần

3. Điểm yếu

Mặc dù nhà trường đã tổ chức phụ đạo học sinh yếu, kém. Tuy nhiên, hiện tại vẫn còn tình trạng học sinh có lực học yếu, đặc biệt các môn: Toán, Tiếng Anh.

Kinh phí nhà trường còn hạn hẹp nên có lúc khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện bồi dưỡng năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phân loại học sinh ngay từ đầu cấp học, tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi và công tác phụ đạo học sinh yếu kém cần thường xuyên, hiệu quả hơn. Giáo viên tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học để thu hút học sinh và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Hiệu trưởng nhà trường cần chỉ đạo và giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cho từng bộ môn. Giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức các buổi hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn học sinh xác định mục tiêu học tập, tư vấn hướng nghiệp từ đó học sinh có động lực phấn đấu học tập tốt hơn.

Hàng năm, nhà trường cần xây dựng các kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ để thường xuyên phát hiện học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật.

Lựa chọn những giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết và có kinh nghiệm để bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi và nhất là học sinh giỏi lớp 12.

Phối hợp với gia đình động viên học sinh nỗ lực hơn trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Đk Nông, nhà trường đã chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương ngay từ đầu năm học, lồng ghép với kế hoạch giáo dục chung của các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và GDCD. Trên cơ sở đó, TTCM xây dựng kế hoạch tổ, trong đó, hướng dẫn GV thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo đúng kế hoạch đã được nhà trường phê duyệt. Tuy nhiên, một số tiết học nội dung giáo dục địa phương còn gặp khó khăn do HS chưa có đủ tài liệu học tập. [H5-5.3-01]

Hàng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD-ĐT [H5-5.3-01]

Sau mỗi năm học, nhà trường đã đánh giá kết quả công tác giáo dục địa phương. Tuy nhiên, các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa kịp thời.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương của nhà trường bám sát tài liệu do Sở GD&ĐT biên soạn, có cập nhật các nội dung chọn lọc, phù hợp với thực tế của nhà trường, địa phương và vốn kiến thức hiểu biết thực tế của HS.

Tuy nhiên, nhà trường chưa có điều kiện tổ chức học tập, kiểm tra, đánh giá qua các tiết ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo cho HS tham gia. [H5-5.3-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục địa phương còn ít so với yêu cầu thực tế. Việc sưu tầm, thu thập, tìm kiếm, tiếp cận tài liệu liên quan đến nội dung giáo dục địa phương của các môn học còn hạn chế.

Công tác rà soát, đánh giá cải tiến điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch mua sắm, bổ sung thêm tài liệu giáo dục địa phương đủ về số lượng phục vụ cho việc giảng dạy của GV và học tập của HS.

Nhà trường tạo điều kiện để tổ chức cho học sinh tham quan tại địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng đầy đủ kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. [H5-5.4-01]

Nhà trường phổ biến kiến thức về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho HS trong các giờ ngoại khóa, trong một số giờ thể dục,...

Trong năm học, nhà trường đã tổ chức một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian cho học sinh vào các ngày kỉ niệm, ngày lễ như: Tổ chức thi đấu bóng chuyền, bóng đá giữa các khối lớp, tổ chức kéo co, nhảy bao...

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng, hội thi văn nghệ, thể thao, các hoạt động lễ hội dân gian do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức. Tuy nhiên, do luyện tập chưa thật tốt nên các thành tích đạt được thường không cao. [H5-5.4-02]

Từ kế hoạch chung của nhà trường, ban chuyên môn đã có sự huy động, phân công giáo viên, nhân viên trong trường tham gia hoạt động trải nghiệm [H5-5.4-02]

Mức 2:

Cuối mỗi năm học, nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đánh giá những việc làm tốt, những hạn chế để rút kinh nghiệm cho các năm học sau.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch, học sinh hứng thú khi tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cũng như rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

3. Điểm yếu

Một số HS chưa nhiệt tình tham gia vào các hoạt động trải nghiệm. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp còn chưa phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phổ biến kiến thức về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho HS trong các giờ sinh hoạt lớp, chào cờ,....

Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian trong các ngày lễ, giờ ngoại khóa, tổ chức các chuyến đi tham quan, trải nghiệm thú vị hơn để thu hút học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhằm định hướng giáo dục HS hình thành và phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của HS, điều kiện nhà trường và địa phương, hiệu trưởng đã ban hành nội quy nhà trường, quy tắc ứng xử giữa HS với HS, giữa HS với GV, nhân viên. Bên cạnh đó, hằng năm, nhà trường ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng sống, định hướng mục tiêu cần đạt trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho HS. [H5-5.4-02]

Thông qua các hoạt động giáo dục như hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, các cuộc thi tìm hiểu Luật Giao thông, tham gia phòng chống tệ nạn xã hội... HS trường đã có những chuyển biến tích cực trong rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật. [H5-5.5-01]

Với sự quan tâm của đội ngũ CBQL và GV trường, đạo đức, lối sống của HS từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Tỷ lệ HS có hạnh kiểm khá, tốt hằng năm đều đạt trên 97%. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng HS lười học, vi phạm nội quy nhà trường, vi phạm quy chế thi, kiểm tra.

Mức 2:

Nhà trường đã chú trọng dạy học theo hướng phát triển năng lực HS, thực hiện các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo. Nhờ đó, HS có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Tuy nhiên, do năng lực của học sinh không đồng đều, còn một số học sinh có năng lực hạn chế nên khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn chưa đạt yêu cầu.

Mức 3:

Qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh đã từng bước biết tham gia nghiên cứu khoa học sáng tạo. Trong các năm học qua đã có sản phẩm tham gia dự thi Khoa học kỹ thuật cấp trường, tỉnh. [H5-5.5-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục cho học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Các hình thức rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh phong phú, học sinh được rèn luyện, tích lũy nhiều kỹ năng cơ bản. HS nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, kỹ thuật

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh có khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục vào thực tiễn trong cuộc sống còn chưa được tốt.

Cuộc thi khoa học kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn, Giáo Viên không chuyên về nghiên cứu khoa học, học sinh còn hạn chế khả năng tự nghiên cứu, kinh phí hỗ trợ cho các dự án khoa học kỹ thuật còn hạn chế, nhất là các dự án kỹ thuật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch hợp lý để tổ chức tốt các hoạt động rèn luyện cho học sinh qua đó hình thành tốt hơn nữa về kỹ năng sống.

Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa để học sinh được tham gia nhiều hơn, qua đó hình thành kỹ năng và biết cách vận dụng kỹ năng vào cuộc sống.

Tổ chức khen thưởng động viên học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật kịp thời để kích thích học sinh tích cực nghiên cứu và phát động hoạt động nghiên cứu sâu rộng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn

lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch năm, có đề ra các chỉ tiêu phấn đấu về học lực và hạnh kiểm. Đến cuối năm học, nhà trường rà soát, đánh giá, thể hiện qua báo cáo tổng kết của nhà trường. Nhìn chung, kết quả học lực, hạnh kiểm HS từng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H5-5.6-01]

Trên cơ sở kế hoạch của nhà trường, GV bộ môn lập kế hoạch, phân loại học sinh để có phương pháp giảng dạy, ôn thi THPT quốc gia phù hợp. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường (100%) [H5-5.6-03]

Triển khai thực hiện đề án phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT, nhà trường thực hiện tốt công tác tư vấn hướng nghiệp, học sinh định hướng nghề nghiệp theo năng lực, sở thích. Kết quả qua các năm tỷ lệ học sinh đăng ký vào các trường Đại học có xu hướng giảm, tỷ lệ học sinh học nghề có xu hướng tăng. [H5-5.6-03]

Mức 2:

Trong các năm học vừa qua, kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh có chuyển biến tích cực qua từng năm. [H5-5.6-01]

Tỷ lệ học sinh lên lớp, tỷ lệ tốt nghiệp của nhà trường trong các năm học vừa qua luôn ổn định, đạt kết quả theo đúng kế hoạch, đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp THPT. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong các năm vừa qua tính đến thời điểm đánh giá. [H5-5.6-01], [H5-5.6-03]

Mức 3:

Trong các năm học vừa qua, kết quả hai mặt chất lượng của nhà trường luôn đạt theo yêu cầu của trường chuẩn mức độ 2. Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp THPT [H5-5.6-01]

Hàng năm, nhà trường vẫn có học sinh lưu ban và bỏ học. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học của nhà trường đều trong mức cho phép.

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm HS, tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS, tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong các năm học vừa qua tính đến thời điểm đánh giá. Trong đó, tỷ lệ HS khá, giỏi, HS đỗ tốt nghiệp đạt tỷ lệ 100%.

Nhà trường thực hiện đảm bảo việc định hướng, phân luồng HS đang học trong nhà trường và sau khi tốt nghiệp THPT.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp, phản ánh thông tin hai chiều giữa GV chủ nhiệm và GV bộ môn đôi khi còn chưa kịp thời. Do điều kiện kinh tế của học sinh còn khó khăn, do vậy một số lớp số buổi ôn THPT Quốc gia còn ít. Chất lượng đầu vào của những năm trước chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyên môn hợp lý, phân công chuyên môn giáo viên phù hợp với năng lực để phát huy tốt hiệu quả giảng dạy.

Tổ chức tốt việc khảo sát phân loại học sinh ngay từ đầu năm học từ đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém đảm bảo hiệu quả.

Tăng cường nguồn kinh phí từ ngân sách và các nguồn tài trợ hợp pháp để chi cho công tác khen thưởng, hỗ trợ nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

Tăng cường công tác giáo dục đạo đức học sinh, nhất học sinh có hoàn cảnh đặc biệt

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trong những năm học qua, nhà trường luôn tổ chức dạy học đúng, đầy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, các văn bản hướng dẫn của các phòng ban chuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo mục tiêu giáo dục phổ thông Quốc Gia.

Nhà trường chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy là phương châm hàng đầu trong cả quá trình hoạt động giáo dục. Giáo viên nhà trường đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn học sinh chủ động, tích cực tiếp thu và phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo, áp dụng kiến thức kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

Nhà trường chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh nhằm đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả đánh giá đúng năng lực của học sinh; thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện nên trong NH học sinh có nhiều thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thực hiện được các chủ đề giáo dục Stem

Kết quả xếp loại về học lực của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học, chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

Tóm lại, hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả tương đối tốt, có học sinh đạt giải trong kì thi KHKT; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT đạt 100%.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong những năm học vừa qua, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số CBGV ứng dụng CNTT và giảng dạy còn hạn chế, việc đổi mới phương pháp dạy học chưa theo kịp yêu cầu; một số ít học sinh chưa ham học, kỹ năng sống của một số ít học sinh còn hạn chế; Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động TDTT, văn nghệ còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 2: 4/6 (4/6) tiêu chí chiếm 66.7 %
- Đạt Mức 3: 3/6 (2/4) tiêu chí chiếm 50 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng
2. Điểm mạnh
3. Điểm yếu
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng
5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng
2. Điểm mạnh
3. Điểm yếu
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng
5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng
2. Điểm mạnh
3. Điểm yếu
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng
5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng
2. Điểm mạnh
3. Điểm yếu
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng
5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%
 - Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: (11/28) (11/28) tiêu chí chiếm 39.3 %
 - Đạt Mức 3: (6/28) (5/20) tiêu chí chiếm 21.5 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chí, nhà trường tự nhận thấy các tiêu chuẩn có những hiện trạng cơ bản như sau:

- Về tổ chức và quản lý nhà trường

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường phổ thông. Thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh sự chỉ đạo quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên,

nhân viên và học sinh, đảm bảo trung thực, khách quan, công bằng tạo được động lực thúc đẩy cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng lực quản lý lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức hoạt động của nhà trường. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường là một khối đoàn kết. Nhà trường có 12.5% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ trên chuẩn, luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên yên tâm công tác, phân công chuyên môn hợp lý nên phát huy được năng lực và sở trường của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên; quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ; đảm bảo các quyền lợi về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định của pháp luật; có biện pháp phù hợp đẩy mạnh phong trào tự học, tự bồi dưỡng trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Nhà trường có tổng diện tích là 6560 m² đã được cấp phép sử dụng đất lâu dài, bình quân .../học sinh. Trường có tường bao, cổng trường, biển trường; môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có các phòng chức năng cần thiết phục vụ cho học tập, phòng học khang trang, có trang thiết bị dạy học hiện đại, mỗi lớp có tủ sách thư viện lớp; có đủ các phương tiện như máy tính, máy in, máy chiếu phục vụ công tác quản lý dạy học, giáo dục học sinh. Nhà trường có sân chơi, bãi tập; khu nhà để xe của giáo viên, học sinh.

- Về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ và thường xuyên phối hợp với Ban đại diện CMHS của trường, của lớp, các tổ chức cá nhân trong và ngoài nhà trường. Giáo viên phụ trách lớp thường xuyên, tích cực, chủ động trao đổi thông tin với phụ huynh học sinh về kết quả giáo dục học sinh để phối hợp cùng phụ huynh có biện pháp giáo dục học sinh một cách phù hợp, hiệu quả.

- Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ có hiệu quả chương trình giáo dục và kế hoạch năm học, chú trọng xây dựng kỉ cương nề nếp dạy - học cũng như các hoạt động chuyên môn, đặc biệt quan tâm đến công tác nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện. Học sinh của nhà trường ngoan, chủ động tích cực trong các hoạt động học tập, có ý thức tự quản, có kỹ năng sống, mạnh dạn, lễ phép, đoàn kết yêu thương. Hằng năm, học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến và số học sinh được khen thưởng đạt tỷ lệ cao. Tỷ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh, khu vực, quốc gia luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh. Phong trào rèn luyện thể thao được chú trọng, Hội khỏe Phù đổng trong 10 năm gần đây luôn xếp thứ Nhất toàn đoàn. Học sinh nhà trường có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện tốt quy định an toàn giao thông.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẶK MIL tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 và đạt trường chuẩn Quốc Gia.

....., ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV
PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC MINH CHỨNG NĂM HỌC 2021-2022

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	-Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2025 có phê duyệt của SGD -Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030 có phê duyệt của SGD		Đảng	
	2	[H1-1.1-02]	Website; Email; nhóm zalo trường, . . .		Quý	
	3	[H1-1.1-03]	Báo cáo tổng kết năm học		T.Anh	
	4	[H1-1.1-04]	Sổ nghị quyết của nhà trường		Luân	Lưu hs
	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo phương hướng năm học		Anh	

Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hội đồng trường, gồm: -Quyết định thành lập -Biên bản họp HĐ trường			
	2	[H1-1.2-02]	HĐ thi đua khen thưởng: -QĐ thành lập - Kế hoạch tổ chức thực hiện, -Quy chế thi đua khen thưởng -Biên bản họp bình xét - Báo cáo thành tích -QĐ công nhận			
	3	[H1-1.2-03]	HĐ kỉ luật Công văn hướng dẫn quy trình phát hiện, giáo dục và xử lý kỷ luật học sinh		Ngô Thạch Anh	
	4	[H1-1.2-04]	HĐ chấm SKKN: - QĐ thành lập và phân công - Tổ chức chấm SKKN - Kết quả công nhận		Ngô Thạch Anh	
	5	[H1-1.2-05]	HĐ thi GVDG: tương tự như trên		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Chi bộ: - QĐ chuẩn y BCH, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ - Báo cáo tổng kết và phương hướng theo từng nhiệm kỳ - Nghị quyết đại hội chi bộ theo từng nhiệm kỳ - Báo cáo đến hết mỗi quý trong năm 2021 (II, III) - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 2022 - Thông báo KQ phân loại năm 2021 - Sổ ghi biên bản, nghị quyết			

			từng cuộc họp			
	2	[H1-1.3-02]	Công đoàn: - QĐ chuẩn y BCH, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn - Báo cáo tổng kết và phương hướng theo từng nhiệm kỳ - Nghị quyết đại hội công đoàn theo từng nhiệm kỳ - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ từng năm/quý và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm/quý tiếp theo - Kế hoạch từng tháng - Sổ ghi biên bản, nghị quyết từng cuộc họp - QĐ công nhận phân loại - QĐ khen thưởng		Mai Trung Tuyền	
	3	[H1-1.3-03]	Đoàn Thanh niên - QĐ chuẩn y BCH, Bí thư, Phó Bí thư đoàn trường - Báo cáo tổng kết và phương hướng theo từng nhiệm kỳ - Nghị quyết đại hội công đoàn theo từng nhiệm kỳ - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ từng năm/quý và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm/quý tiếp theo - Kế hoạch từng tháng - Sổ ghi biên bản, nghị quyết từng cuộc họp - QĐ công nhận phân loại - QĐ khen thưởng		Nguyễn Quốc Việt	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	BGH: - QĐ bổ nhiệm hiệu trưởng, - QĐ bổ nhiệm PHT: Đặng Quốc Thịnh - QĐ bổ nhiệm PHT: Ngô Thạch Anh - KH cá		Phạm Thị Kim Anh	

			nhân của Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng			
	2	[H2-1.4-01]	Chưa đặt tên			
	3	[H1-1.4-02]	Tổ tự nhiên (TN) - QĐ bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó TN - Kế hoạch năm học của tổ TN - Biên bản họp tổ TN - Chuyên đề của tổ TN - Các hồ sơ khác của tổ			
	4	[H2-1.4-02]	Chưa đặt tên			
	5	[H1-1.4-03]	Tổ tự nhiên (XH) - QĐ bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó XH - Kế hoạch năm học của tổ XH - Biên bản họp tổ XH - Chuyên đề của tổ XH - Các hồ sơ khác của tổ XH			
	6	[H1-1.4-04]	Tổ văn phòng (VP) - QĐ bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó VP - Kế hoạch năm học của tổ VP - Biên bản họp tổ VP - Các hồ sơ khác của tổ VP			
	7	[H1-1.4-05]	Biên bản họp các tổ chuyên môn, và tổ văn phòng		Tô Duy Cường, Niê Đoàn Chính	
	8	[H1-1.4-06]	Quyết định khen thưởng đối với các tổ chuyên môn, văn phòng		Phạm Thị Kim Anh	

Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ điểm các lớp học		Phạm Thị Kim Anh	
	2	[H1-1.5-02]	Sổ đăng bộ của nhà trường		Ngô Thạch Anh	
	3	[H1-1.5-03]	Nội quy lớp học		Ngô Thạch Anh	
	4	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm của GVCN		Phạm Thị Kim Anh	
	5	[H1-1.5-05]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh.		Phạm Thị Kim Anh	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý tài chính; báo cáo quyết toán tài chính		Lê Văn Lam	
	2	[H1-1.6-02]	Phương án tự chủ tài chính		Lê Văn Lam	
	3	[H1-1.6-03]	Thông báo quyết toán ngân sách năm		Lê Văn Lam	
	4	[H1-1.6-04]	Công khai - Công khai các quyết định cấp kinh phí của cấp trên - Công khai học bổng năm 2021 - Công khai học bổng 8 tháng đầu năm 2022 - Công khai tài chính quý I năm 2021 Công khai tài chính quý II năm 2021 - Công khai tài chính quý III năm 2022 - Công khai tài chính quý IV năm 2022 - Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2021-2022 - Biên bản xác		Lê Văn Lam	

			nhận công khai			
	5	[H1-1.6-05]	Quy chế chi tiêu nội bộ 2021, QĐ điều chỉnh bổ sung			
	6	[H1-1.6-06]	Biên bản kiểm kê tài sản cố định		Đặng Quốc Thịnh	
	7	[H1-1.6-07]	Thực hành tiết kiệm chống lãng phí: -Kế hoạch thực hiện THPTK CLP -Báo cáo kết quả thực hiện THPTK CLP			
	8	[H1-1.6-08]	Báo cáo KQ THPTK CLP		Lê Văn Lam	
	9	[H1-1.6-09]	Biên bản (kết luận) của đoàn thanh tra về công tác tài chính (không có)		Lê Văn Lam	
	10	[H1-1.6-10]	Biên bản kiểm tra tài chính theo định kỳ của Ban thanh tra nhân dân		Mai Trung Tuyền	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; báo cáo kết quả BDTX		Ngô Thạch Anh	
	2	[H1-1.7-02]	Phân công vị trí việc làm(= minh chứng [H1-1.7-02])		Hồ Tấn Đăng	
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công chuyên môn của trường (= minh chứng [H1-1.7-03])		Ngô Thạch Anh	
	4	[H1-1.7-04]	Thời khóa biểu			

	5	[H1-1.7-05]	Bảng lương và hồ sơ chi khác		Lê Văn Lam	
	6	[H1-1.7-06]	Quy định về hồ sơ chuyên môn		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch chuyên môn năm học		Ngô Thạch Anh	
	2	[H1-1.8-02]	Đánh giá kết quả thực hiện tháng trước và kế hoạch chuyên môn tháng tới		Đặng Quốc Thịnh	
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ cơ sở		Đặng Quốc Thịnh	
	2	[H1-1.9-02]	Tổng hợp ý kiến và văn bản trả lời ý kiến của Đoàn viên lao động		Mai Trung Tuyên	
	3	[H1-1.9-03]	Nghị quyết HN CB, VC & NLĐ		Nguyễn Minh Luân	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở		Đặng Quốc Thịnh	
	5	[H1-1.9-05]	Sổ tiếp công dân và các văn bản trả lời		Mai Trung Tuyên	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an		Đặng Quốc Thịnh	

	2	[H1-1.10-02]	Giấy chứng nhận nước sạch		Lê Văn Lam	
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ về phòng cháy chữa cháy		Đặng Quốc Thịnh	
	4	[H1-1.10-04]	Thông báo kết luận kiểm tra bảo đảm các điều kiện về ATTP đối với nhà bếp và nhà ăn của học sinh		Ngô Thạch Anh	
	5	[H1-1.10-05]	Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện nội quy, nề nếp học sinh		Nguyễn Quốc Việt	
	6	[H1-1.10-06]	Có hộp thư góp ý; đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của HS và CMHS		Nguyễn Minh Luân	
	7	[H1-1.10-07]	Sổ chào cờ đầu tuần		Nguyễn Quốc Việt	
	8	[H1-1.10-08]	Báo cáo về bình đẳng giới		Nguyễn Quốc Việt	
Tiêu chí 1.11	1	[H1-1.11-01]	Giấy chứng nhận ATVSTP		Lê Văn Lam	
	2	[H1-1.11-02]	QĐ thành lập tổ kiểm thực 3 bước		Đặng Quốc Thịnh	
	3	[H1-1.11-03]	Hồ sơ kiểm tra thực phẩm 3 bước		Đặng Quốc Thịnh	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Các quyết định được Giám đốc SGDĐT bổ nhiệm Đạt tiêu chuẩn theo quy định và nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn, được Giám		Phạm Thị Kim Anh	

			đốc SGDDT bổ nhiệm theo các quyết định tại minh chứng H1.4.1.			
	2	[H1-2.1-01]	Chưa đặt tên			
	3	[H2-2.1-02]	- Phiếu HT tự đánh giá - Phiếu PHT: Đặng Quốc Thịnh tự đánh giá - Phiếu PHT: Ngô Thạch Anh tự đánh giá - Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức của HT, PHT - Biên bản họp kiểm điểm, đề nghị đánh giá xếp loại HT, PHT của cơ quan - Kết quả đánh giá chuẩn HT, PHT hàng năm (trong phần mềm do SGD đánh giá); - Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ		Phạm Thị Kim Anh	
	4	[H2-2.1-03]	Chúng nhận, chứng chỉ đã qua các lớp BD chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị của HT, Phó HT;		Phạm Thị Kim Anh	
	5	[H2-2.1-04]	Biên bản lấy ý kiến của GV, NV góp ý về công tác quản lý của nhà trường hàng năm;		Nguyễn Minh Luân	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng phân công chuyên môn của trường;		Nguyễn Minh Luân	
	2	[H2-2.2-02]	- Kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp -Quyết định công nhận mức		Nguyễn Minh	

			độ hoàn thành nhiệm vụ		Luân	
	3	[H2-2.2-03]	quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ			
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Kế hoạch, phân công chi tiết nhiệm vụ nhân viên của tổ văn phòng			
	2	[H2-2.3-02]	Phân công vị trí việc làm			
	3	[H2-2.3-03]	Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ			
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	DS học sinh toàn trường (có cột ngày tháng năm sinh)		Phạm Thị Kim Anh	
	2	[H2-2.4-02]	Kết quả học tập và rèn luyện		Ngô Thạch Anh	
	3	[H2-2.4-03]	Các văn bản có nội dung liên quan đảm bảo quyền của HS		Ngô Thạch Anh	
	4	[H2-2.4-04]	Hồ sơ kỷ luật học sinh.		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Biên bản kiểm tra khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn			
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh công trường		Nguyễn Quốc Việt	

	3	[H3-3.1-03]	Ảnh có khu sân chơi bãi tập đảm bảo an toàn để tập luyện		Nguyễn Quốc Việt	
	4	[H3-3.1-04]	Giấy CN QSDĐ		Phạm Thị Kim Anh	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Mỗi lớp, lập danh sách có các nội dung: lớp, số HS, số bàn (kích thước); số ghế (kích thước), số cửa sổ		Nguyễn Quốc Việt	
	2	[H3-3.2-02]	Lập danh sách thống kê số phòng bộ môn theo quy định Thông tư 14/2020/TT.BGDĐT, bao gồm: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mĩ thuật, Đa chức năng, Khoa học xã hội (sử dụng chung cho các môn học Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.		Nguyễn Quốc Việt	
	3	[H3-3.2-03]	Lập DS có phòng hoạt động Đoàn . Đội, thư viện và phòng truyền thống (mỗi phòng có kích thước)		Nguyễn Quốc Việt	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Lập DS các phòng để thể hiện đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính . quản trị của nhà trường		Đặng Quốc Thịnh	
	2	[H3-3.3-02]	Sổ quản lí tài sản, kiểm kê thiết bị		Lê Văn Lam	

	3	[H3-3.3-03]	Chứng từ thanh toán		Lê Văn Lam	
	4	[H3-3.3-04]	Sổ quản lí tài sản, thiết bị		Lê Văn Lam	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Mỗi khu vệ sinh có 1 hình ảnh và sơ đồ. Hồ sơ xác nhận hệ thống nước thải chưa đảm bảo vệ sinh môi trường		Đặng Quốc Thịnh	
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng cung cấp nước sạch; Hợp đồng thu gom vận chuyển rác		Lê Văn Lam	
	3	[H3-3.4-03]	Hóa đơn thanh toán thu gom rác, nước sinh hoạt.		Lê Văn Lam	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	DS các thiết bị phục vụ các hoạt động của nhà trường, đánh giá đủ hay thiếu so với quy định, như bàn ghế, tủ, giá, .		Lê Văn Lam	
	2	[H3-3.5-02]	Bảng thống kê tên thiết bị dạy học đối với từng môn, khối lớp		Lê Văn Lam	
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị hàng năm, ghi chú những thiết bị đã sửa chữa		Lê Văn Lam	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục SGK, sách tham khảo, tài liệu, tranh ảnh, bản đồ ...		Đặng Quốc Thịnh	
	2	[H3-3.6-02]	Sổ mượn trả sách, tài liệu ...		Đặng Quốc Thịnh	

	3	[H3-3.6-03]	Biên bản kiểm kê sách, tranh ảnh Danh mục SGK, Sách tham khảo, tranh, tài liệu khác mua bổ sung		Đặng Quốc Thịnh	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Thông báo danh sách Ban ĐDCMHS trường hàng năm;			
	2	[H4-4.1-02]	Quy chế phối hợp hoạt động			
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch vận động tài trợ			
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo kết quả phối hợp		Hồ Tấn Đăng	
	5	[H4-4.1-05]	Chủ trương đồng ý vận động tài trợ của SGD		Hồ Tấn Đăng	
	6	[H4-4.1-06]	Hồ sơ khác			
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục;		Hồ Tấn Đăng	
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.		Hồ Tấn Đăng	
	3	[H4-4.2-03]	Các báo cáo của các tổ chức của nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục		Ngô Thạch Anh	

			truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh;			
	4	[H4-4.2-04]	Các văn bản, hình ảnh tư liệu về hoạt động, lễ hội, sự kiện có liên quan;			
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch năm học, tháng, tuần của nhà trường Sổ đầu bài ghi đầy đủ nội dung			
	2	[H5-5.1-02]	Các chuyên đề, kế hoạch đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục			
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch kiểm tra cuối kỳ hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.		Tô Duy Cường, Niê Đoàn Chính	
	4	[H5-5.1-04]	Chưa đặt tên			
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch tổ chức dạy BD HSG		Ngô Thạch Anh	
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch tổ chức và kết quả công nhận NCKHSPUD		Ngô Thạch Anh	
	3	[H5-5.2-03]	Báo cáo rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó		Ngô Thạch Anh	

			khẩn trong học tập và rèn luyện.			
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Giáo án giảng dạy nội dung giáo dục địa phương của GV;		Ngô Thạch Anh	
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Bộ tài liệu giáo dục hướng nghiệp của nhà trường biên soạn đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt		Ngô Thạch Anh	
	2	[H5-5.4-02]	Hồ sơ dạy nghề		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Thành tích của HS trong nghiên cứu KHKT theo năm học		Ngô Thạch Anh	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Bảng thống kê kết quả xếp loại HK, học lực HS các năm học		Ngô Thạch Anh	
	2	[H5-5.6-02]	Bảng thống kê kết quả HS giỏi các cấp các năm học		Ngô Thạch Anh	
	3	[H5-5.6-03]	Bảng thống kê HS đỗ tốt nghiệp THPT, học Đại học, Cao đẳng, đi học nghề các năm học		Ngô Thạch Anh	